

Số: 43/2017/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2017

## NGHỊ QUYẾT

Về quy định mức chi đối với các hoạt động  
văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh

### HỘI ĐỒNG NHÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XIV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NHẤT

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Thông tư liên tịch số 46/2016/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 11/3/2016 của Bộ Tài chính và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn chế độ quản lý đặc thù đối với đội tuyên truyền lưu động cấp tỉnh và cấp huyện; Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14/10/2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng;*

*Xét đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 23/02/2017; Báo cáo thẩm tra số 117/BC-VHXH ngày 14/3/2017 của Ban Văn hoá - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận tại kỳ họp,*

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1.** Quy định mức chi đối với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, cấp khu vực, toàn quốc.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Các đoàn nghệ thuật quần chúng của tỉnh, huyện, thành phố tham dự hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng.

2.2. Thành viên ban chỉ đạo, ban tổ chức, ban giám khảo và các tiểu ban chuyên môn tại hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng; ngày hội Văn hoá - Thể thao hoặc ngày hội Văn hoá - Thể thao và Du lịch.

2.3. Dẫn chương trình, diễn viên, nhạc công, nghệ nhân và các thành viên khác tham gia hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng.

2.4. Trường hợp phải huy động diễn viên chuyên nghiệp, công tác viên tham gia vào các chương trình biểu diễn nghệ thuật phục vụ: Ngày hội Văn hoá - Thể thao hoặc ngày hội Văn hoá - Thể thao và Du lịch của tỉnh, huyện, thành phố, khu vực, toàn quốc; các ngày lễ kỷ niệm lớn của tỉnh, huyện, thành phố thì áp dụng mức chi bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn theo quy định này.

2.5. Các mức chi theo quy định này không áp dụng đối với sáng tác, biên đạo, diễn viên và các chương trình biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp, giáo viên, giảng viên nghệ thuật tại các trường chuyên nghiệp trong tỉnh.

### 3. Các quy định cụ thể

#### 3.1. Tham gia hoạt động do tỉnh tổ chức

- Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, vé xe đi - về, nước uống, thuốc dự phòng, bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn (*việc thực hiện chế độ chi tiền ăn, ngủ, vé xe đi - về chỉ áp dụng cho các đối tượng được huy động, trưng tập từ các huyện, thành phố, xã, bản cách xa địa điểm tập luyện từ 10 km trở lên*).

- Chi tiền giải thưởng.

- Chi tiền bồi dưỡng và các khoản chi khác.

*(Có biểu số 01 kèm theo)*

#### 3.2. Tham gia hoạt động do Trung ương tổ chức

- Chi hỗ trợ tiền ăn, ngủ, vé xe đi - về, nước uống, thuốc dự phòng, bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn.

- Các khoản chi khác.

*(Có biểu số 02 kèm theo)*

### 4. Nguồn kinh phí

- Nguồn ngân sách tỉnh.

- Các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.

- Nguồn xã hội hóa (*nếu có*).

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, tổ đại biểu HĐND tỉnh và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2017 và thay thế Nghị quyết số 366/2011/NQ-HĐND ngày 18/03/2011 của HĐND tỉnh về Quy định mức chi đối với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La và Nghị quyết số 37/2012/NQ-HĐND ngày 12/12/2012 của HĐND tỉnh về sửa đổi mức chi đối với một số nội dung của Nghị quyết số 366/2011/NQ-HĐND.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XIV, kỳ họp chuyên đề lần thứ nhất thông qua ngày 15 tháng 3 năm 2017./.

*Nơi nhận:* *A*

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Ban chỉ đạo Tây bắc;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ, Chủ tịch nước;
- Bộ Tài chính; Bộ VH-TT và DL;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- BTV tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh uỷ, Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT Huyện uỷ; Thành uỷ; HĐND-UBND huyện, thành phố;
- TT Đảng uỷ; HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, Linh450b.

**CHỦ TỊCH**



**Hoàng Văn Chất**

**Mức chi đối với các hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng  
trên địa bàn tỉnh Sơn La**

*(Kèm theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La)*

| TT | Nội dung chi   | Mức chi (Tối đa không quá)                    |   |   |
|----|--|---|---|---|
|    |  | Cấp tỉnh                                      | Cấp huyện                                     | Cấp xã  |
| I  | Hỗ trợ tiền ăn, ngủ, vé xe đi - về, nước uống, thuốc dự phòng, bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn cho các đối tượng                        |   |   |   |
| 1  | Trong thời gian tập luyện chương trình (Đối với người tham gia tập luyện)  |   |   |   |
| -  | Tiền ăn  | 120.000<br>đồng/người/ngày                    | 100.000<br>đồng/người/ngày                    | 80.000<br>đồng/người/<br>ngày                 |
| -  | Tiền ngủ   | 175.000<br>đồng/ngày/người                    | 150.000<br>đồng/ngày/người                    | 100.000<br>đồng/ngày/người                    |
| -  | Tiền đi - về (Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về trong thời gian luyện tập). Tùy điều kiện cụ thể từng đoàn có thể thanh toán theo 3 cách |   |   |   |
| +  | Hợp đồng xe  | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              |
| +  | Đi xe cơ quan  | Tiền xăng xe                                  | Tiền xăng xe                                  |   |
| +  | Tự túc đi - về   | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành |
| -  | Tiền nước uống   | 10.000<br>đồng/người/ngày                     | 10.000<br>đồng/người/ngày                     | 10.000<br>đồng/người/ngày                     |
| -  | Tiền thuốc dự phòng:   | 10.000<br>đồng/người/1<br>đợt tập luyện       | 10.000<br>đồng/người/1<br>đợt tập luyện       | 10.000<br>đồng/người/1<br>đợt tập luyện       |
| -  | Tập luyện:   |   |   |   |
| +  | Ngày tập luyện   |   |   | 60.000<br>đồng/người ngày                     |
| +  | Ngày hợp luyện, tổng duyệt   | 90.000<br>đồng/người/ngày                     | 80.000<br>đồng/người/<br>ngày                 | 70.000<br>đồng/người/ngày                     |
| 2  | Trong thời gian tham dự hội thi:   |   |   |   |
| a  | Cán bộ hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (Thực hiện chế độ công tác phí theo quy định hiện hành của Nhà nước)                            |   |   |   |

| TT        | Nội dung chi   | Mức chi (Tối đa không quá)                    |   |   |
|-----------|--|---|---|---|
|           |  | Cấp tỉnh                                      | Cấp huyện                                     | Cấp xã  |
| <b>b</b>  | <b>Diễn viên quần chúng không hưởng lương từ NSNN:</b>   |   |   |   |
| -         | Tiền ăn:   | 120.000 đồng/người/ngày                       | 100.000 đồng/người/ngày                       | 80.000 đồng/người/ngày                        |
| -         | Tiền ngủ:  | 175.000 đồng/ngày/người                       | 150.000 đồng/ngày/người                       | 100.000 đồng/ngày/người                       |
| -         | Tiền vé xe đi - về (Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về trong thời gian luyện tập) Tùy điều kiện cụ thể từng đoàn có thể thanh toán theo 3 cách) |   |   |   |
| +         | Đi xe cơ quan  | Tiền xăng xe                                  | Tiền xăng xe                                  |   |
| +         | Hợp đồng xe  | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              |
| +         | Tự túc đi - về   | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành |
| -         | Tiền nước uống   | 10.000 đồng/người/ngày                        | 10.000 đồng/người/ngày                        | 10.000 đồng/người/ngày                        |
| -         | Tiền thuốc dự phòng  | 10.000 đồng/người/1 đợt tham dự               | 10.000 đồng/người/1 đợt tham dự               | 10.000 đồng/người/1 đợt tham dự               |
| -         | Ngày biểu diễn, bồi dưỡng tham dự hội thi  |   |   | 80.000 đồng/người/ngày                        |
| <b>II</b> | <b>Tiền giải thưởng</b>  |   |   |   |
| <b>1</b>  | <b>Cá nhân (Giải tiết mục):</b>  |   |   |   |
| -         | Giải A   | 500.000 đồng                                  | 400.000 đồng                                  | 300.000 đồng                                  |
| -         | Giải B   | 400.000 đồng                                  | 300.000 đồng                                  | 200.000 đồng                                  |
| -         | Giải C   | 300.000 đồng                                  | 200.000 đồng                                  | 100.000 đồng                                  |
| -         | Giải khuyến khích  | 200.000 đồng                                  | 100.000 đồng                                  | 50.000 đồng                                   |
| <b>2</b>  | <b>Đối với tập thể (Giải chương trình, giải toàn đoàn)</b>   |   |   |   |
| -         | Giải A   | 5.000.000 đồng                                | 4.000.000 đồng                                | 3.000.000 đồng                                |
| -         | Giải B   | 4.000.000 đồng                                | 3.000.000 đồng                                | 2.000.000 đồng                                |
| -         | Giải C   | 3.000.000 đồng                                | 2.000.000 đồng                                | 1.000.000 đồng                                |
| -         | Giải khuyến khích  | 2.000.000 đồng                                | 1.000.000 đồng                                | 500.000 đồng                                  |

| TT         | Nội dung chi  | Mức chi (Tối đa không quá) |                         |                         |
|------------|---|----------------------------|-------------------------|-------------------------|
|            |   | Cấp tỉnh                   | Cấp huyện               | Cấp xã                  |
| 3          | <b>Giải toàn năng: Dành cho các tiết mục tự biên, tự diễn, thi trình diễn trang phục dân tộc.</b>   |                            |                         |                         |
| -          | Giải A  | 1.200.000 đồng             | 1.000.000 đồng          | 800.000 đồng            |
| -          | Giải B  | 1.000.000 đồng             | 800.000 đồng            | 600.000 đồng            |
| <b>III</b> | <b>Tiền bồi dưỡng:</b>  |                            |                         |                         |
| -          | Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, phó các tiểu ban chuyên môn   | 100.000 đồng/người/ngày    | 80.000 đồng/người /ngày | 60.000 đồng/người /ngày |
| -          | Ban giám khảo, thư ký   | 300.000 đồng/người/ngày    | 200.000 đồng/người/ngày | 100.000 đồng/người/ngày |
| -          | Dẫn chương trình.   | 400.000 đồng/người/ngày    | 300.000 đồng/người/ngày | 200.000 đồng/người/ngày |
| -          | Thành viên các tiểu ban chuyên môn.   | 70.000 đồng/người /ngày    | 60.000 đồng/người/ngày  | 50.000 đồng/người/ngày  |
| -          | Lực lượng bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ.  | 60.000 đồng/người/ngày     | 50.000 đồng/người/ngày  | 40.000 đồng/người/ngày  |
| <b>IV</b>  | <b>Các khoản chi khác: Tiền hoá trang và thuê trang phục, đạo cụ do cấp có thẩm quyền quyết định (Căn cứ khả năng ngân sách địa phương hỗ trợ tiền hoá trang và thuê trang phục cho từng nội dung cuộc thi, đối tượng tham gia)</b> |                            |                         |                         |

\* Lưu ý:

- Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình điều hành và tổ chức hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật quần chúng và ngày hội Văn hóa - Thể thao cấp tỉnh, cấp huyện, thành phố và cấp khu vực, toàn quốc do tỉnh Sơn La đăng cai tổ chức chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất.

- Cấp nào tổ chức thi được hưởng chế độ theo cấp đó; Trường hợp không tổ chức tại địa bàn cấp tổ chức thi được hưởng chế độ theo cấp tổ chức. *A*

**CHỦ TỊCH**  
  
**Hoàng Văn Chất**

**Biểu số 02****Mức chi cho đội văn nghệ quần chúng của tỉnh Sơn La tham gia các hoạt động văn hoá, nghệ thuật quần chúng cấp khu vực và toàn quốc***( Kèm theo Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15/3/2017 của HĐND tỉnh Sơn La)*

| TT       | Nội dung chi  | Mức chi                                       |
|----------|---|---|
| <b>1</b> | <b>Trong thời gian tập luyện chương trình (Đối với người tham gia tập luyện)</b>  |   |
| -        | Tiền ăn   | 120.000 đồng/người/ngày                       |
| -        | Tiền ngủ  | 175.000 đồng/ngày/người                       |
| -        | Tiền đi - về <i>(chỉ được thanh toán 01 lần đi, về trong thời gian luyện tập; tùy điều kiện cụ thể từng đoàn có thể thanh toán theo 3 cách)</i> |   |
| +        | Hợp đồng xe   | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              |
| +        | Đi xe cơ quan   | Tiền xăng xe                                  |
| +        | Tự túc đi - về  | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành |
| -        | Tiền nước uống  | 10.000 đồng/người/ngày                        |
| -        | Tiền thuốc dự phòng:  | 10.000 đồng/người/1 đợt tập luyện             |
| -        | Ngày hợp luyện, tổng duyệt  | 90.000 đồng/người/ngày                        |
| <b>2</b> | <b>Trong thời gian tham dự hội thi</b>  |   |
| <b>a</b> | <b>Cán bộ hưởng lương từ ngân sách Nhà nước (thực hiện chế độ công tác phí theo quy định hiện hành của Nhà nước)</b>                            |   |
| <b>b</b> | <b>Đối với diễn viên quần chúng không hưởng lương từ NSNN</b>   |   |
| -        | Tiền ăn   |   |
| +        | Tại các quận thuộc Thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh.                         | 150.000 đồng/người/ngày                       |
| +        | Tại các vùng còn lại  | 120.000 đồng/người/ngày                       |
| -        | Tiền ngủ:   |   |
| +        | Tại các quận thuộc Thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Đà Nẵng và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh.                         | 350.000 đồng/ngày/người                       |

|   |  |   |
|---|--|---|
| + | Tại các vùng còn lại   | 250.000 đồng/ngày/người                       |
|   | Tiền vé xe đi - về (Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về trong thời gian luyện tập; tùy điều kiện cụ thể từng đoàn có thể thanh toán theo 3 cách)   |   |
| + | Đi xe cơ quan  | Tiền xăng xe                                  |
| + | Hợp đồng xe  | Thanh toán theo hợp đồng thực tế              |
| + | Tự túc đi - về   | Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành |
| - | Tiền nước uống   | 10.000 đồng/người/ngày                        |
| - | Tiền thuốc dự phòng:   | 10.000 đồng/người/1 đợt tham dự               |
| 3 | Các khoản chi khác: Tiền hoá trang và thuê trang phục, đạo cụ do cấp có thẩm quyền quyết định (Căn cứ khả năng ngân sách địa phương hỗ trợ tiền hoá trang và thuê trang phục cho từng nội dung cuộc thi, đối tượng tham gia) |   |

CHỦ TỊCH



**Hoàng Văn Chất**